TAND HUYỆN TÂN UYÊN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2022/QĐST - HNGĐ	*Tân Uyên, ngày 14 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

Thư ký phiên họp*:* Bà Phạm Thị Thúy Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2022/QĐST- HNGĐ ngày 22/8/2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Bản Khoay, xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lù Văn K, sinh ngày 06/5/1996. Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

2. Chị Lù Thị P, sinh ngày 20/7/1995. Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Đại diện theo pháp Luật: Ông Nguyễn Huy K - Chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân xã Thân Thuộc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân của người yêu cầu bà Hoàng Thị M trình bày:

Bà có con gái tên là Lù Thị P, sinh ngày 20/7/1995. Ngày 03/5/2012, Lù Thị P và anh Lù Văn K, sinh ngày 06/5/1996, cư trú tại bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Lù Văn K và chị Lù Thị P chỉ khai trên tờ khai đăng ký kết hôn nên cán bộ tư pháp hộ tịch đã căn cứ vào tờ khai để làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị P và anh K. Nay thông tin tại giấy đăng ký kết hôn của anh K và chị P không đúng với ngày tháng năm sinh của chị P và anh K, không trùng khớp với các thông tin trên các loại giấy tờ tùy thân và cuộc sống chung của anh K và chị P không hạnh phúc. Do vậy, bà Hoàng Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên hủy việc kết hôn trái pháp Luật giữa anh Lù Văn K và chị Lù Thị P.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lù Văn K và chị Lù Thị P đều trình bày: Anh K và chị P đăng ký kết hôn vào ngày 03/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, anh K, chị P chỉ khai tại tờ khai đăng ký kết hôn, công chức tư pháp xã T không yêu cầu anh K, chị P cung cấp gì thêm để thực hiện việc đăng ký kết hôn nên Ủy ban nhân dân xã T đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh, chị ghi Lù Thị P, sinh ngày 20/8/1994 và Lù Văn K, sinh ngày 01/5/1992. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được 5 năm, đến năm 2017 chị P đi làm ăn xa và có xảy ra mâu thuẫn đến năm 2018 vợ chồng không còn tình cảm nên không liên lạc chia sẻ gì với nhau nữa. Hiện nay anh K và chị P không còn chung sống với nhau, chị P đã chuyển về sống tại huyện V, tỉnh Lào Cai. Anh K và chị P đồng ý với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Hoàng Thị M. Về con chung anh K và chị P có 02 con chung là Lù Mạnh Đ, sinh ngày 21/10/2012 và Lù Thị Anh Đ, sinh ngày 16/9/2014 hiện nay các con đang chung sống cùng anh K tại bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Anh Lù Văn K có nguyện vọng được nuôi hai con chung, chị Lù Thị P nhất trí để anh K nuôi dưỡng hai con chung và các cháu Lù Mạnh Đ và Lù Thị Anh Đ đều có nguyện vọng được ở cùng với anh K. Anh K không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh Lù Văn K và chị Lù Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thân T và Công an xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu xác định: Chị Lù Thị P, sinh ngày 20/8/1994 và Lù Thị P, sinh ngày 17/7/1994 và Lù Thị P, sinh ngày 20/7/1995 là một người, Lù Thị P có ngày, tháng, năm sinh chính xác là ngày 20/7/1995. Đối với anh Lù Văn K có ngày tháng năm sinh chính xác là ngày 06/5/1996. Tính đến ngày đăng ký kết hôn 03/5/2012, anh Lù Văn K mới được 15 tuổi 11 tháng 27 ngày, chị Lù Thị P mới được 16 tuổi 09 tháng 13 ngày. Ủy ban nhân dân xã T đã căn cứ vào tờ khai đăng ký kết hôn do chị P và anh K cung cấp để làm thủ tục đăng ký kết hôn mà không yêu cầu cung cấp thêm giấy tờ tùy thân khác để xác định chính xác ngày tháng năm sinh của chị P và anh K nên dẫn đến sai sót như trên. Ủy ban nhân dân xã T đề

nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên căn cứ theo các quy định của pháp luật để xem xét ban hành quyết định đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 29; Điều 367; 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị M: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lù Văn K và chị Lù Thị P theo giấy chứng nhận kết hôn số 23/2012, quyển số 01/2012, đăng ký ngày 03/5/2012 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của người liên quan và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tại phiên họp, Tòa án nhân huyện Tân Uyên nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, bà Hoàng Thị M anh Lù Văn K, chị Lù Thị P đều có mặt, Ủy ban nhân dân xã T vắng mặt. Tòa án tiến hành mở phiên họp là đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp Luật: Anh Lù Văn K, sinh ngày 06/5/1996 và chị Lù Thị P, sinh ngày 20/7/1995 đăng ký kết hôn ngày 03/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Lù Thị P mới 16 tuổi 09 tháng 13 ngày, anh Lù Văn K mới được 15 tuổi 11 tháng 27 ngày nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Đến thời điểm hiện tại, anh K, chị P đã đủ tuổi kết hôn nhưng quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân với nhau, đồng thời anh chị đều nhất trí việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Hoàng Thị M. Căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, cần chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị M về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh K và chị P theo giấy chứng nhận kết hôn số 23/2012, quyển số 01/2012, đăng ký ngày 03/5/2012 của Ủy ban nhân dân xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc kết hôn trái pháp luật.

Do việc kết hôn giữa anh Lù Văn K và chị Lù Thị P vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, anh Lù Văn K và chị Lù Thị P phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh Lù Văn K và chị Lù Thị P có 02 con chung là Lù Mạnh Đ, sinh ngày 21/10/2012 và Lù Thị Anh Đ, sinh ngày 16/9/2014 hiện nay các con đang chung sống cùng anh K tại bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Anh K và chị P tự nguyện thỏa thuận anh Lù Văn K được quyền trực triếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Quá trình giải quyết việc dân sự các cháu Lù Mạnh Đ và Lù Thị Anh Đ đều có nguyện vọng ở với anh Lò Văn K. Anh K không yêu cầu chị P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Xét thấy thỏa thuận giữa anh K và chị P về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không bị pháp luật cấm, do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh K và chị P về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh Lù Văn K và chị Lù Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về kiến nghị: Kiến nghị UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp Luật giữa anh Lù Văn K và chị Lù Thị P theo quy định của pháp Luật.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 11, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Hoàng Thị M không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 11, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Hoàng Thị M. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lù Văn K và chị Lù Thị P theo giấy chứng nhận kết hôn số 23/2012, quyển số 01/2012, đăng ký ngày 03/5/2012 của Ủy ban nhân dân xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật.

- Anh Lù Văn K và chị Lù Thị P phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: anh Lù Văn K và chị Lù Thị P có 02 con chung là Lù Mạnh Đ, sinh ngày 21/10/2012 và Lù Thị Anh Đ, sinh ngày 16/9/2014.

Anh Lù Văn K được quyền trực triếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Lù Mạnh Đ và Lù Thị Anh Đ đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Lù Văn K không yêu cầu chị Lù Thị P cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Kiến nghị UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp Luật giữa anh Lù Văn K và chị Lù Thị P theo quy định của pháp Luật.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Hoàng Thị M không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại

phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày. Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Tân Uyên;
- UBND xã Thân Thuộc;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Dương Thị Tuyết Thanh